

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2024

*“V/v: Không công nhận quan
hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tư

Ông Nguyễn Đăng Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024, về *“Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1967; (Có mặt)

Địa chỉ: **Tổ A, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**

- Bị đơn: Ông **Lê Hùng V**, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: **Tổ A, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Huỳnh Thị N** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Hùng V** chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2001, tuy nhiên không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu,

sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Tình trạng trên ngày càng trầm trọng.

Nay bà **Huỳnh Thị N** xác định tình cảm với ông **Lê Hùng V** không còn. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Hùng V** là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà **N** và ông **V** có 01 con chung là **Lê Thị Hiền M**, sinh năm 2003. Do con đã trưởng thành, nên bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn ông **Lê Hùng V**, tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Ông **Lê Hùng V** thừa nhận lời trình bày về thời gian và quá trình chung sống như bà **Huỳnh Thị N** trình bày là đúng. Bà **N** và ông **V** chung sống tự nguyện từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình sống, hai người sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó, nay bà **Huỳnh Thị N** xin không công nhận vợ chồng thì ông **V** đồng ý.

Về con chung: Có 1 con chung là **Lê Thị Hiền M**, sinh năm 2003 như bà **N** trình bày. Khi ly hôn, do con đã lớn nên ông **V** không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Lê Hùng V** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Ông **Lê Hùng V** không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Hùng V** chung sống với nhau vào năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà **N** và ông **V** không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, nay bà **N** xin không công nhận là vợ chồng, căn cứ các

điều 14, 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà **N** và ông **V** là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà **N** và ông **V** có 01 con chung tên **Lê Thị Hiền M**, sinh năm 2003. Do con đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án dân sự về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”, do nguyên đơn bà **Huỳnh Thị N** thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông **Lê Hùng Văn** cư trú tại **ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước**, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về nội dung*:

Về hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Hùng V** chung sống với nhau từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn, là không tuân thủ đầy đủ quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng vợ chồng luôn bất đồng trong quan điểm sống, không quan tâm lẫn nhau, nên nay bà **N** yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà **N** và ông **V** là vợ chồng và ông **V** cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 14, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên không công nhận bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Hùng V** là vợ chồng là phù hợp.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà **Huỳnh Thị N** và ông **Lê Hùng V** có 01 con **Lê Thị Hiền M**, sinh năm 2003. Do con đã lớn, các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bà **Huỳnh Thị N** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 14, 15, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội (Khóa X);

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xir:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận bà Huỳnh Thị N và ông Lê Hùng V là vợ chồng.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm* là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Thị N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010171, ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THADS huyện Đồng Phú;
- Các đương sự.
- Lưu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Sơn

